

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 279/2025/HNGĐ-ST

Ngày 08-12-2025

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hà Thị Ái Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Viết Sáu

2. Ông Lê Mạnh Hùng

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Dương, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Mỹ Thuận, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng, Tòa án nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 435/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Diệu T, sinh năm 1993;

Nơi thường trú: Tổ 7, thôn A, xã T, tỉnh L.

Bị đơn: Ông Trần Nguyễn Vĩnh T1, sinh năm 1990;

Nơi thường trú: Khu phố 2, phường T, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Nguyên đơn trình bày:**

Bà Nguyễn Thị Diệu T và ông Trần Nguyễn Vĩnh T1 tự nguyện tìm hiểu yêu nhau và vào năm 2019 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh L (địa chỉ cũ: xã S, huyện H, tỉnh B) Thời gian sau này cho đến nay cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm hay cãi nhau, ông T1 không yêu thương vợ con, không có sự chia sẻ và không quan tâm đến gia đình, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Bà T và ông T1 đã ly thân từ tháng 8 năm 2024 cho đến nay, đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay bà T nhận thấy

tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Bà T và ông T1 có 01 con chung tên Trần Nguyễn Tuấn K (giới tính: Nam) - sinh ngày 08/12/2019.

Sau khi ly hôn, bà T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Nguyễn Tuấn K (giới tính: Nam) - sinh ngày 08/12/2019, bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Bị đơn trình bày:**

Ông Trần Nguyễn Vĩnh T1 và bà Nguyễn Thị Diệu T tự nguyện tìm hiểu, quen biết nhau và vào năm 2019 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh L (địa chỉ cũ: xã S, huyện H, tỉnh B).

Trong thời gian chung sống, ông T1 vẫn có trách nhiệm của một người chồng, người cha, quan tâm xây dựng gia đình của mình nhưng trong cuộc sống vợ chồng đã xảy ra nhiều khuất mắc, vợ chồng không cùng quan điểm sống. Đối với bà T, ông T1 làm gì cũng sai nên từ ngày 15/8/2024 bà T bỏ về nhà cha mẹ sống cho đến nay.

Ông T1 đã cố gắng hàn gắn để vợ chồng tiếp tục chung sống lo cho con, nhưng nhận lại sự thờ ơ lạnh nhạt của bà T. Mặt khác, Bà T không cho ông T1 chở con về thăm gia đình nhà nội, không cho ông T1 được nuôi dạy con. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T làm đơn yêu cầu ly hôn và cương quyết ly hôn, ông T1 đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông T1 và bà T có 01 con chung tên Trần Nguyễn Tuấn K (giới tính: Nam) - sinh ngày 08/12/2019.

Sau khi ly hôn, ông T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là Trần Nguyễn Tuấn K (giới tính: Nam) - sinh ngày 08/12/2019, ông T1 không yêu cầu bà T cấp dưỡng tiền nuôi con vì ông T1 có đủ khả năng để nuôi con.

Về tài sản chung: Ông T1 khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T1 khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng phát biểu: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán, thư ký chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tiến hành các trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật và chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

Về nội dung: Qua xem xét hồ sơ và lời khai của đương sự tại phiên tòa, Viện kiểm sát thấy rằng tình cảm vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Diệu T và ông Trần Nguyễn Vĩnh T1 không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó:

- *Về hôn nhân:* Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Diệu T, bà Nguyễn Thị Diệu T được ly hôn ông Trần Nguyễn Vĩnh T1.

- *Về con chung:* Bà T và ông T1 có 01 con chung tên Trần Nguyễn Tuấn K (giới tính: Nam) - sinh ngày 08/12/2019. Tại phiên tòa, bà T và ông T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con, hiện nay cháu K đang sống với bà T. Do đó để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu, căn cứ theo Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu Trần Nguyễn Tuấn K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nên không xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện kiểm sát không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, nghe lời trình bày của đương sự và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Diệu T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Trần Nguyễn Vĩnh T1. Ông T1 là bị đơn trong vụ án có địa chỉ thường trú: Khu phố 2, phường T, tỉnh L. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Diệu T và ông Trần Nguyễn Vĩnh T1 tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh L (địa chỉ cũ: xã S, huyện H, tỉnh B), theo giấy chứng nhận kết hôn số 08, ngày 21/02/2019. Quan hệ hôn nhân của các đương sự được xác lập hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình chung sống do hai bên bất đồng về cách sống nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, bà T và ông T1 không còn sự yêu thương, quý trọng nhau, bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống, hôn nhân không còn hạnh phúc. Bà T và ông T1 đã sống ly thân nhau từ tháng 8 năm 2024 cho đến nay, giữa bà T và ông T1 khó có khả năng hàn gắn. Về phía ông T1, ông xác định giữa ông và bà T chung sống đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên ông đồng ý ly hôn với bà T.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Diệu T và ông Trần Nguyễn Vĩnh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Diệu T.

[3] Về con chung: Bà T và ông T1 có 01 con chung tên Trần Nguyễn Tuấn K (giới tính: Nam) - sinh ngày 08/12/2019.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bà T và ông T1 đều yêu cầu được nuôi con. Xét thấy hiện nay bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, cháu K đang còn quá nhỏ, nên cần có sự trông nom, chăm sóc của người mẹ hơn, để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu K. Do đó căn cứ theo Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà T và ông T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà T và ông T1 khai không có nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 269, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Diệu T

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Diệu T và ông Trần Nguyễn Vĩnh T1.

2. Về nuôi con: Buộc ông Trần Nguyễn Vĩnh T1 giao con chung tên Trần Nguyễn Tuấn K (giới tính: Nam) - sinh ngày 08/12/2019 cho bà Nguyễn Thị Diệu T trực tiếp nuôi dưỡng, bà Nguyễn Thị Diệu T không yêu cầu ông Trần Nguyễn Vĩnh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Diệu T và ông Trần Nguyễn Vĩnh T1 có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn. Ông Trần Nguyễn Vĩnh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Diệu T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn. Ngày 12/11/2025 bà T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0008271 tại Phòng Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng nay chuyển sang thành án phí và sung công quỹ nhà nước. Bà T đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/12/2025).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự
- VKS nhân dân KV10 – Lâm Đồng
- Tòa án nhân dân KV10 – Lâm Đồng
- Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng
- UBND xã T, tỉnh L
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Hà Thị Ái Quyên